

防災情報

◇千葉県防災ポータルサイト

次の情報を提供しています。一部のページについては、英語・ハンガリー語・中国語・スペイン語・ポルトガル語で表記しています。

- ・県内の地震・津波・台風等の情報
- ・避難指示情報、避難所開設

被害情報などの緊急・災害情報

天気予報等の気象情報

鉄道・道路等の交通運行情報

電気・水道等のライフラインに関する情報

<http://www.bousai.pref.chiba.lg.jp/>

◇外国人旅行者向けプッシュ型情報発信アプリ「Safety tips」

このアプリケーションは、緊急地震速報と津波警報のほか、災害時に役立つ便利な機能を多言語で提供しています。

- ・ダウンロード URL

[Android]

<https://play.google.com/store/apps/details?id=jp.co.rcsc.safetyTips.android>

[iPhone]

<https://itunes.apple.com/jp/app/safety-tips/id858357174?mt=8>

◇NHK WORLD -JAPAN

災害が発生したときに、多言語の緊急ニュースをプッシュ通知で受け取ることができます。

<https://www3.nhk.or.jp/nhkworld/ja/app/>

日ごろの備え

◇備蓄品の準備

災害発生時には、電気・ガス・水道などのライフラインや、物の流れがストップすることがあります。そのような場面に備えて、最低3日分、できれば1週間分の食料品や日用品を備蓄しましょう。

備蓄には、日ごろの食料品を多めに買い置きし、古いものから順に使い、使った分を補充していく「ローリングストック」という方法があります。

■ 情報 通信 防災 対策

◇Cổng thông tin phòng chống thiên tai tỉnh Chiba

Trang web cung cấp các thông tin sau đây. Một số trang có thể hiển thị bằng tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Bồ Đào Nha.

- ・Thông tin về động đất, sóng thần, bão, v.v. ở tỉnh Chiba
- ・Thông tin chỉ thị lánh nạn, thiết lập cơ sở lánh nạn
- ・Thông tin khẩn cấp, thông tin về thảm họa như thiệt hại, v.v.
- ・Thông tin thời tiết như dự báo thời tiết, v.v.
- ・Thông tin lịch trình của các phương tiện giao thông đường sắt, đường bộ, v.v.
- ・Thông tin về các tiện ích thiết yếu như điện, nước, v.v.

<http://www.bousai.pref.chiba.lg.jp/>

◇“Safety Tips”- Ứng dụng gửi thông tin dạng Thông báo đẩy dành cho du khách nước ngoài

Ứng dụng “Safety Tips” đưa ra cảnh báo sớm động đất khẩn cấp và cảnh báo sóng thần, ngoài ra còn có nhiều chức năng tiện lợi và hữu ích khi xảy ra thiên tai bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.

- ・Link tải xuống

[Android]

<https://play.google.com/store/apps/details?id=jp.co.rcsc.safetyTips.android>

[iPhone]

<https://itunes.apple.com/jp/app/safety-tips/id858357174?mt=8>

◇NHK WORLD -JAPAN

Bạn có thể nhận được thông tin cảnh báo khẩn cấp bằng nhiều ngôn ngữ khi xảy ra thiên tai với chức năng Thông báo đẩy.

<https://www3.nhk.or.jp/nhkworld/ja/app/>

■ Chuẩn bị từ thường ngày

◇Chuẩn bị đồ dự trữ

Khi xảy ra thiên tai, các tiện ích như điện, gas, nước, v.v. và vận chuyển hàng hóa có thể bị gián đoạn. Để đối phó với những tình huống này, hãy chuẩn bị dự trữ thực phẩm và vật dụng thiết yếu đủ dùng trong ít nhất 3 ngày, và tốt nhất là 1 tuần. Để dự trữ, có một phương pháp gọi là “Rolling Stock” (dự trữ đồ dùng luân phiên), trong đó bạn mua nhiều thực phẩm hơn mức thường ngày, sử dụng các thực phẩm cũ

比較的無理なく長期の備蓄が準備でき、さらにカセットコンロがあれば、普段通りの温かい食事をとることもできます。

〔備蓄品の例〕

- ・水(1人1日3リットル、1週間分程度)、カセットコンロ、カセットボンベ、食料(米、カップ麺、レトルト食品、菓子など)
- ・携帯型ラジオ、簡易トイレ、携帯電話のバッテリー、懐中電灯、ゴミ袋
- ・必要な常備薬、生理用品、粉ミルク、オムツなど

〔非常持出品の例〕

- 水、□非常食、□携帯電話のバッテリー、□懐中電灯、□ヘルメット、防災ずきん、□常備薬、□現金、□通帳、印鑑、□タオル、□着替え、□マスク、□雨具、□ティッシュペーパー、□ライター、ろうそく、□ゴミ袋など

◇耐震化と家具の固定、感震ブレーカーの設置

古い建物や木造住宅、埋立地、低湿地、盛土造成地にある住宅、1階部分の壁が少ない住宅などは、耐震診断を行い、耐震補強をしておきましょう。

大きな家具はしっかり固定し、寝室、子ども部屋に大きな家具は避けるようにします。避難の邪魔にならないよう家具を固定し、配置を工夫しましょう。ガラスには飛散防止フィルムを貼っておきます。感震ブレーカーは、揺れを感知すると、ブレーカーやコンセントなどの電気を自動的に止めてくれる器具です。電気火災の予防に有効です。

◇危険な場所や避難場所の確認

台風や大雨、津波などが起こった時に、浸水の恐れのある場所や、土砂崩れがおきる恐れのある場所などを、市町村のハザードマップなどで確認しておきます。

安全に避難するため、災害に応じた避難場所や

trước và bổ sung lại sau khi dùng. Phương pháp này giúp việc chuẩn bị dự trữ dài hạn tương đối thuận tiện, và nếu có bếp gas mini, bạn vẫn có thể hâm nóng thức ăn như bình thường.

(Thí dụ đồ dự trữ cần thiết)

- ・Nước (một người uống 3 lít nước/ngày, dự trữ đủ cho khoảng một tuần), bếp ga mini, bình ga mini, thực phẩm (cơm, mì gói, thức ăn chế biến sẵn, bánh kẹo, v.v.)
- ・Radio cầm tay, toa lét đơn giản, sạc pin điện thoại di động, đèn pin, túi đựng rác
- ・Thuốc dự phòng cần thiết, băng vệ sinh, sữa bột, tã giấy, v.v.

(Thí dụ các vật dụng nên mang theo khi khẩn cấp)

- Nước, □Đồ ăn liền, □Sạc pin điện thoại di động, □Đèn pin, □Mũ bảo hiểm, □Mũ trùm đầu phòng tránh tai nạn do thiên tai, □Thuốc dự phòng, □Tiền mặt, □Sổ ngân hàng, □Con dấu cá nhân, □Khăn, □Quần áo để thay, □Khẩu trang, □Áo mưa, □Khăn giấy, □Bật lửa, nến, □Túi đựng rác, v.v.

◇Biện pháp chống động đất, cố định đồ nội thất, lắp đặt cầu dao ngắt điện khi phát hiện động đất

Nếu bạn sống trong một ngôi nhà cũ hoặc xây bằng gỗ, xây trên nền đất cải tạo, đất trũng ngập nước, đất đắp bờ kè hoặc ngôi nhà ở tầng một có ít tường bao, hãy chẩn đoán khả năng chống động đất rồi gia cố khả năng chống động đất cho ngôi nhà của mình.

Cố định chắc chắn các đồ nội thất lớn, tránh để đồ nội thất lớn trong phòng ngủ, phòng trẻ em. Cố định, lắp đặt đồ nội thất ở vị trí không cản trở lối thoát hiểm. Dán phim bảo vệ chống vỡ kính cho các tấm kính.

Cầu dao ngắt điện khi phát hiện động đất là dụng cụ tự động ngắt điện cho cầu dao và ổ cắm khi phát hiện rung chấn. Dụng cụ này rất hiệu quả trong việc phòng ngừa cháy do chập điện.

◇Xác nhận địa điểm nguy hiểm và địa điểm lánh nạn

Xác nhận trước những nơi có nguy cơ bị ngập, những nơi có nguy cơ bị sạt lở đất, v.v. khi xảy ra bão, mưa lớn, sóng thần, v.v. trên bản đồ cảnh báo nguy cơ của chính quyền địa phương cấp hạt.

Hãy xác nhận trước địa điểm lánh nạn và tuyến đường lánh

みちじゆん かくにん 道順を確認しておきましょう。おおあめ つなみ 大雨のときと津波のときでは避難場所が違うことがあります。

◇防災訓練

にほん せかいゆうすう じしん おお くに 日本は世界有数の地震の多い国です。
ひ ごろから しょうそん ちやうないかい じちかい じしゅぼうさい 日ごろから市町村や町内会・自治会、自主防災組織などが行う防災訓練に参加し、災害が起こったときの行動を確認しておきましょう。

■地震が起こったら

①緊急地震速報

じしん おお 地震が起こる前に、これから地震が起こることを伝える緊急地震速報が出ることがあります。地震が起こるまでのわずかな時間で、自分の身を守る準備をしましょう。

②地震発生

テーブルや机の下にもぐって身を守り、揺れが収まるのを待ちます。

③揺れが収まったら

津波やがけ崩れの危険のある場所では、すぐに避難します。

すばやく火を止め、ドアや窓を開けて脱出口を確保します。

④避難、家族の安否確認

ラジオなどで正確な情報を確認し、家屋倒壊の危険があれば避難します。靴を履き、非常用持ち出し品を用意し、徒歩で避難します。

電気のブレーカーを落してから避難しましょう。感震ブレーカーを設置しておく、自動的に電気を止めてくれます。

離れた家族の安否を確認します。電話はなるべく使わず、災害用伝言サービスを使いましょう。

・災害用伝言ダイヤル<171>

<http://www.ntt-east.co.jp/saigai/voice171/>

・Web171

<http://www.ntt-east.co.jp/saigai/web171/index.html>

◇Huấn luyện phòng chống thiên tai

Nhật Bản là một trong những quốc gia hứng chịu nhiều trận động đất trên thế giới.

Hãy tham gia các buổi huấn luyện phòng chống thiên tai do chính quyền địa phương cấp hạt, Tổ dân phố, Hội tự quản địa phương, các Tổ chức tình nguyện phòng chống thiên tai, v.v. tổ chức thường ngày, xác nhận trước các hành động cần làm khi xảy ra thiên tai.

■Khi xảy ra động đất

①Cảnh báo sớm động đất khẩn cấp

Trước khi xảy ra động đất, có thể bạn sẽ nhận được cảnh báo sớm động đất khẩn cấp thông báo sắp có động đất. Vì vậy hãy chuẩn bị các biện pháp bảo vệ bản thân trong thời gian ngắn trước khi động đất xảy ra.

②Xảy ra động đất

Nấp dưới gầm bàn hoặc bàn làm việc để bảo vệ bản thân, chờ đến khi các cơn rung chấn đi qua.

③Sau khi hết rung chấn

Lánh nạn ngay lập tức nếu bạn đang ở khu vực có nguy cơ xảy ra sóng thần hoặc sạt lở đất.

Nhanh chóng tắt lửa, mở cửa sổ, đảm bảo lối thoát ra ngoài.

④Đi lánh nạn, xác nhận tình trạng an nguy của gia đình

Xác nhận thông tin chính xác trên đài phát thanh, v.v. Hãy đi lánh nạn nếu thấy ngôi nhà của bạn có nguy cơ sụp đổ. Đi giày, chuẩn bị những vật dụng thiết yếu cần mang theo khi khẩn cấp và đi bộ đến nơi lánh nạn.

Hãy nhớ ngắt cầu dao điện trước khi đi lánh nạn. Nếu lắp cầu dao ngắt điện khi phát hiện động đất nó sẽ tự động ngắt điện.

Xác nhận tình trạng an nguy của gia đình khi xa tách nhau. Tránh sử dụng điện thoại hết mức có thể, thay vào đó hãy cố gắng sử dụng các dịch vụ lời nhắn khi xảy ra thiên tai.

・Quay số lời nhắn khi xảy ra thiên tai <171>

<http://www.ntt-east.co.jp/saigai/voice171/>

・Web171

<http://www.ntt-east.co.jp/saigai/web171/index.html>

・携帯電話災害用伝言版

<NTT ドコモ>

<https://www.nttdocomo.co.jp/info/disaster/index.html>

(日本語)

<https://www.nttdocomo.co.jp/english/info/disaster/index.html>

(英語)

<au>

<https://www.au.com/mobile/anti-disaster/saigai-dengen/>

(日本語)

<https://www.au.com/english/mobile/anti-disaster/saigai-dengen/>

(英語)

<ソフトバンク>

<https://www.softbank.jp/mobile/service/dengen/boards/>

(日本語)

<ワイモバイル>

<http://www.ymobile.jp/service/dengen>

(日本語)

<楽天モバイル>

https://network.mobile.rakuten.co.jp/service/disaster_board/

(日本語)

⑤ 応急救護

大きな災害のときは救助隊もすぐに来ることはできません。隣近所で助けあって消火や救出活動を行います。日ごろから防災訓練に参加し、練習しておきましょう。

⑥ 避難所

各市町村にあります。無料で、誰でも利用でき、宿泊も可能です。

ラジオ等で情報を常に収集します。

食事は提供されますが、まずは、備蓄品で乗り切ります。

自主防災組織を中心に、避難所では助け合いを大切にしましょう。

◇津波

千葉県は三方を海で囲まれているため、地震のときには津波の被害が心配です。

海岸にいたときに地震を感じたら、できるだけ海岸から離れて高いところへ逃げます。

・ phiên bản lời nhắn khi xảy ra thiên tai dành cho điện thoại di động

<NTT DoCoMo>

<https://www.nttdocomo.co.jp/info/disaster/index.html>

(Tiếng Nhật)

<https://www.nttdocomo.co.jp/english/info/disaster/index.html>

(Tiếng Anh)

<au>

<https://www.au.com/mobile/anti-disaster/saigai-dengen/>

(Tiếng Nhật)

<https://www.au.com/english/mobile/anti-disaster/saigai-dengen/>

(Tiếng Anh)

<Softbank>

<https://www.softbank.jp/mobile/service/dengen/boards>

(Tiếng Nhật)

<Y!mobile>

<http://www.ymobile.jp/service/dengen>

(Tiếng Nhật)

< Rakuten Mobile >

https://network.mobile.rakuten.co.jp/service/disaster_board/

(Tiếng Nhật)

⑤ Sơ cứu

Khi xảy ra thiên tai quy mô lớn, đội cứu hộ sẽ khó có thể đến hiện trường ngay lập tức. Vì vậy, bạn và hàng xóm xung quanh hãy hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau dập lửa và thực hiện các hoạt động cứu hộ. Để được như vậy, ngay từ thường ngày, các bạn hãy tham gia các khóa huấn luyện phòng chống thiên tai và diễn tập trước.

⑥ Địa điểm lánh nạn

Các cơ sở lánh nạn được đặt tại mỗi thành phố, thị trấn, làng xã. Bất cứ ai cũng có thể sử dụng và ở lại qua đêm miễn phí.

Thường xuyên cập nhật thông tin từ đài phát thanh, v.v.

Mặc dù ở đây bạn sẽ được cung cấp thực phẩm nhưng hãy ưu tiên sử dụng những thực phẩm bạn đã tích trữ sẵn.

Tại địa điểm lánh nạn, hãy giúp đỡ lẫn nhau, đặc biệt là các thành viên trong Tổ chức tình nguyện phòng chống thiên tai.

◇Sóng thần

Chiba là tỉnh có 3 phía được biển bao bọc nên khi động đất xảy ra sẽ kéo theo nguy cơ rất lớn bị sóng thần.

Nếu bạn cảm thấy có động đất khi đang ở bờ biển, hãy cố gắng rời khỏi bờ biển nhanh nhất có thể và di chuyển tới chỗ cao hơn.

<津波に対する心得>

- ①強い地震を感じたときは、または弱い地震であっても長い時間ゆっくりとした揺れを感じたときは、直ちに海岸から離れ、高い場所に避難します。
- ②地震を感じなくても、津波警報が発表されたときは、すぐに避難します。
- ③津波は繰り返し襲ってくるので、警報が解除されるまで避難を続けます。

<Kiến thức cần biết để đối phó với sóng thần>

- ①Khi bạn cảm thấy sắp có một trận động đất mạnh xảy ra, hoặc khi cảm thấy rung chấn nhẹ kéo dài thì cho dù đó là một trận động đất nhẹ, bạn cũng hãy lập tức rời khỏi bờ biển và đi lánh nạn ở chỗ cao hơn.
- ②Kể cả khi bạn không cảm thấy có động đất, nhưng nếu nhận được cảnh báo sóng thần thì cũng hãy lập tức đi lánh nạn.
- ③Sóng thần thường tấn công vào bờ nhiều lần, vì vậy hãy tiếp tục lánh nạn cho đến khi cảnh báo được dỡ bỏ.

・災害のときによく使われる日本語

Cụm từ tiếng Nhật thường dùng khi xảy ra thiên tai

避難 hinan	にげること	Lánh nạn
高台 takadai	高いところ	Chỗ cao
迂回 ukai	ちがみちをいく	Đi sai đường
安否 anpi	だいじょうぶかどうか	An nguy
停電 teiden	でんきがとまる	Mất điện
断水 dansui	すいどうがとまる	Cắt nước
給水車 kyusuisha	みずくばるくるま	Xe cấp nước
不通 futsu	とおうことができない	Không thể đi qua

■ 台風・大雨

日本では、毎年多くの台風が襲来し、強風や大雨によりたびたび大きな被害が起こっています。気象情報に注意し、事前に十分な対策を取りましょう。また、市町村から避難情報が発表されたときは、すぐに避難しましょう。

■ Bão/ Mưa lớn

Ở Nhật Bản, hàng năm thường có nhiều cơn bão đổ bộ vào đất liền, gây ra thiệt hại lớn do gió mạnh và mưa lớn. Vì vậy, hãy chú ý nghe thông tin thời tiết và chuẩn bị đầy đủ các biện pháp đối phó. Ngoài ra, khi nhận được thông tin lánh nạn từ chính quyền địa phương cấp hạt, hãy đi lánh nạn ngay lập tức.

◇台風・大雨に対する備え

- ①家の周りを一周し、飛ばされそうな物はすべて室内に入れるか、固定します。浸水などの恐れがあるところでは、家財道具や食料品などの生活用品を高い場所へ移動します。
- ②停電に備えて、懐中電灯や携帯ラジオ、携帯電話のバッテリーなどを準備しておきます。
- ③断水などの恐れのため、飲料水を確保しておきます。
- ④気象情報に注意してください。
- ⑤むやみに外出しないでください。公共交通機関が事前に運行を止めることがありますので、運行

◇Chuẩn bị đối phó với bão và mưa lớn

- ①Kiểm tra một vòng xung quanh nhà, nếu thấy có đồ vật nào dễ bị thổi bay thì hãy đưa hết vào bên trong nhà hoặc cố định chúng. Ở những nơi có nguy cơ bị ngập nước, hãy di chuyển đồ dùng sinh hoạt như đồ nội thất và lương thực, thực phẩm, v.v. đến vị trí cao hơn.
- ②Chuẩn bị sẵn đèn pin, radio cầm tay, sạc pin điện thoại di động, v.v. phòng trong trường hợp mất điện.
- ③Đảm bảo đủ nước uống vì có thể sẽ bị cắt nước.
- ④Chú ý nghe thông tin thời tiết.
- ⑤Không đi ra ngoài khi không thật sự cần thiết. Hãy chú ý đến thông tin đi lại do có thể các phương tiện giao thông công

情報に注意してください。

⑥ 病人や乳幼児、身体の不自由な人を安全な場所に移動させます。

⑦ 市町村が発する避難に関する情報に注意して、できるだけ早めの避難を心がけてください。避難に時間がかかる家族がいる場合は、早めに移動を開始しましょう。

◇避難行動

「警戒レベル」で避難のタイミングを考えましょう。警戒レベル3「高齢者等避難」、4「避難指示」が発令されたときは、すぐに避難してください。

【警戒レベル1】災害への備えを確認しましょう。気象庁から「早期注意情報」が発表されます。

【警戒レベル2】避難場所や道順などを確認しましょう。気象庁から「気象注意報」が発表されます。

【警戒レベル3】避難に時間がかかる高齢者や障害のある方、乳幼児などは避難しましょう。市町村から「高齢者等避難」が発令されます。

【警戒レベル4】危険な場所から全員が避難しましょう。市町村から「避難指示」が発令されます。

【警戒レベル5】災害が発生又は切迫しています。命を守る行動をとります。市町村から「緊急安全確保」が発令されます。

■ 火事

日本の家やアパートは木造で、畳やふすまなど燃えやすいものが多いです。日ごろから火事をおこさないように十分注意しましょう。

◇火事を起さないためのポイント

- ① 寝たばこは絶対やめる。
- ② ストープは燃えやすいものから離れたところで使う。
- ③ ガスコンロなどのそばを離れるときは、必ず火を消す。

cộng sẽ bị dừng hoạt động.

⑥ Di chuyển người bệnh, trẻ nhỏ, người bị khuyết tật, v.v. đến nơi an toàn.

⑦ Chú ý lắng nghe thông tin lánh nạn do chính quyền địa phương cấp hạt đưa tin để di lánh nạn sớm nhất có thể. Trong trường hợp gia đình cần nhiều thời gian để lánh nạn thì hãy chuẩn bị việc di chuyển từ sớm.

◇Hoạt động lánh nạn

Hãy xem xét thời điểm lánh nạn tùy theo “Cấp độ cảnh báo”. Khi cấp độ cảnh báo số 3 – Sơ tán người cao tuổi, v.v., số 4 – Chỉ thị sơ tán – được đưa ra, hãy di lánh nạn ngay lập tức.

【Cấp độ cảnh báo số 1】 Hãy xác nhận việc chuẩn bị đối phó thiên tai. Cục Khí tượng Nhật Bản sẽ ban hành “Thông tin cảnh báo sớm”.

【Cấp độ cảnh báo số 2】 Hãy xác nhận địa điểm lánh nạn và tuyến đường di lánh nạn. Cục Khí tượng Nhật Bản sẽ ban hành “Cảnh báo chú ý thời tiết”.

【Cấp độ cảnh báo số 3】 Những người mất nhiều thời gian sơ tán như người già, người khuyết tật, và trẻ nhỏ, hãy sơ tán ngay lập tức. Chính quyền địa phương cấp hạt sẽ phát “Sơ tán người cao tuổi v.v.”.

【Cấp độ cảnh báo số 4】 Tất cả mọi người phải di lánh nạn! Hãy sơ tán mọi người khỏi khu vực nguy hiểm. Chính quyền thành phố, thị trấn, làng xã phát “Chỉ thị lánh nạn”.

【Cấp độ cảnh báo số 5】 Thiên tai đã đến hoặc chuẩn bị đổ bộ! Hãy thực hiện các hành động cần thiết để bảo vệ tính mạng. Chính quyền địa phương cấp hạt sẽ phát lệnh “Đảm bảo an toàn khẩn cấp”.

■ Hỏa hoạn

Nhà và căn hộ ở Nhật Bản thường được xây bằng gỗ, có nhiều vật dụng dễ cháy như chiếu Tatami và cửa trượt Fusuma,... Vì vậy, thường ngày hãy chú ý cẩn thận để không xảy ra hỏa hoạn.

◇Các biện pháp phòng ngừa cháy nổ

- ① Tuyệt đối không hút thuốc trên giường.
- ② Để lò sưởi tránh xa các vật dễ cháy.
- ③ Khi không dùng bếp ga, hãy nhớ tắt lửa.

④ 住宅用火災警報器は全ての住宅に設置する
ひつよう
必要があります。

⑤ 寝具、衣類、カーテンからの火災を防ぐために
ぼうえんひん つか
防災品を使う。

⑥ 火災を小さいうちに消すために住宅用消火器を
せつち
設置する。

⑦ 隣近所の協力体制をつくる。

④ Tất cả các ngôi nhà đều phải lắp đặt thiết bị cảm biến
báo cháy trong nhà.

⑤ Sử dụng các vật dụng chống cháy để phòng ngừa bị
cháy lan từ giường ngủ, quần áo và rèm vải.

⑥ Lắp đặt bình cứu hỏa chuyên dụng trong gia đình để dập
lửa từ khi còn là đám cháy nhỏ.

⑦ Xây dựng mối quan hệ hàng xóm láng giềng thân tình,
đoàn kết, tương hỗ lẫn nhau.